

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 13 – VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 128/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 13-7-2026

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 – VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Phúc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Mai Hoàng Long

Bà Ngô Thị Oanh Kiều

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Đây – Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 13 – Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Đặng Chí Thiện, Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 450/2026/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2026 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 126/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/6/2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 86/2026/QĐST-HNGĐ ngày 01/7/2026 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 145/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/7/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Như Q, sinh ngày 05/02/2000. Địa chỉ: ấp B, xã N, tỉnh Cà Mau, (vắng mặt - có đơn xin xét xử vắng mặt);

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn P, sinh ngày 05/9/1999. Địa chỉ: ấp C (nay là ấp C), xã H, tỉnh Vĩnh Long, (vắng mặt, không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/4/2026 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Như Q trình bày: Vào năm 2021, bà và ông Nguyễn Văn P tự nguyện tiến tới hôn nhân, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh cũ (nay là xã H, tỉnh Vĩnh Long) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 19 vào ngày 15/6/2021. Sau khi kết hôn, thời gian đầu thì vợ

chồng chung sống hạnh đến tháng 10 năm 2025 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường cãi nhau, bất đồng quan điểm sống và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn P. Về con chung: có 01 người con chung tên Nguyễn Dĩ K, sinh ngày 03/11/2024 hiện đang sống với bà Q, tại đơn khởi kiện bà Q yêu cầu được quyền nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi, quá trình giải quyết vụ án bà Q xin rút lại phần yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: không có tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn P đã được Tòa án triệu hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, không khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 15/6/2026; tham gia phiên tòa vào các ngày 01/7/2026 và ngày 13/7/2026 nhưng bị đơn ông Nguyễn Văn P vắng mặt, không lý do.

Tại biên bản xác minh ngày 29/5/2026 đối với ông Nguyễn Văn P1, địa chỉ ấp C Trên (nay ấp C), xã H, tỉnh Vĩnh Long là cha ruột của ông Nguyễn Văn P trình bày: hiện nay ông P vẫn còn hộ khẩu tại địa phương chứ chưa tách nhập đi đâu khác nhưng hiện tại đã đi tỉnh Cà Mau tìm việc làm và ít về quê nhưng vẫn thường xuyên liên lạc qua lại bằng điện thoại, nguyên nhân vợ chồng các con mâu thuẫn thì ông không nắm rõ, chỉ khi Tòa án gửi thông báo thì ông mới biết, ông có động viên các con đoàn tụ nhưng không được nên nghĩ vợ chồng các con rất khó hàn gắn lại, sau khi nhận được thông báo của Tòa án ông có điện thoại thông báo cho ông P biết, nhưng P nói bận công việc nên không về được, ông P có nói là không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ, con.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025). Về thời hạn chuẩn bị xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đảm bảo theo quy định tại Điều 203, 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Văn P là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn bà Nguyễn Như Q tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Nguyễn Văn P chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng theo Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự và vắng mặt suốt quá trình tố tụng.

- Về nội dung vụ án: Năm 2021 bà Nguyễn Như Q và ông Nguyễn Văn P kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết theo đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân của bà Nguyễn Như Q và ông Nguyễn Văn P là hợp pháp. Sau kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 10 năm 2025 thì cuộc sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm. Trong quá trình tham gia tố tụng, dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng ông P vắng mặt không lý do, không có lời trình bày. Như vậy có thể khẳng định ông P không có thiện chí hàn gắn, không muốn níu kéo cuộc hôn nhân này nên yêu cầu ly hôn của bà Q là có cơ sở chấp nhận. Về con chung, xét thấy cháu Nguyễn Dĩ K hiện nay đang sống chung với bà Q nên giao cho bà Q tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228, 238, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025; Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5, Điều 27, Nghị quyết: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị HĐXX: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Như Q được ly hôn với ông Nguyễn Văn P.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Dĩ K, sinh ngày 03/11/2024 cho bà Q tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Về cấp dưỡng nuôi con: do bà Q tự nguyện rút lại phần yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên đình chỉ không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét;

- Về nợ chung: không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: bà Q phải chịu theo quy định.

- Kiến nghị khắc phục vi phạm: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: nguyên đơn bà Nguyễn Như Q có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông P và có yêu cầu nuôi con và cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, do ông P có địa chỉ cư trú ấp C, xã H, tỉnh Vĩnh Long nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 13 - Vĩnh Long theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt đương sự: Tòa án nhân dân khu vực 13 - Vĩnh Long đã thực hiện việc tổng đạt trực tiếp cho bị đơn các văn bản tố tụng từ khi thụ lý, tiếp cận, công khai, giao nộp chứng cứ và hòa giải, xét xử theo Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không vì sự kiện

bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, còn nguyên đơn bà Nguyễn Như Q có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định.

[3] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Như Q và ông Nguyễn Văn P xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh cũ (nay là xã H, tỉnh Vĩnh Long) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 19 vào ngày 15/6/2021 theo đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân của bà Q và ông P là hợp pháp. Sau kết hôn, bà Q và ông P chung sống có 01 người con chung là thể hiện một gia đình hạnh phúc. Đến tháng 10 năm 2025 xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức hòa giải, động viên, thuyết phục để tạo điều kiện cho bà Q và ông P hàn gắn, đoàn tụ xây dựng gia đình nhưng không đạt kết quả do ông P không đến Tòa án tham gia tố tụng, còn bà Q thì kiên quyết ly hôn. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà Q và ông P đã mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, ly thân từ tháng 10 năm 2025 đến nay không ai tạo điều kiện hàn gắn chứng tỏ đời sống chung không thể kéo dài, nếu có duy trì thì mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Nguyễn Như Q được ly hôn với ông Nguyễn Văn P.

[4] Về con chung: tên Nguyễn Dĩ K, sinh ngày 03/11/2024 hiện đang sống với bà Q, Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung cho bà Nguyễn Như Q tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng vì từ nhỏ cháu đã sống với mẹ.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Q tự nguyện rút lại phần yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên đình chỉ không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[6] Về nợ chung: Không tranh chấp và không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - Vĩnh Long là có cơ sở, phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Căn cứ điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147, 227, 228, 238, 244, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Như Q về việc yêu cầu ly hôn đối với ông Nguyễn Văn P.

Cho bà Nguyễn Như Q được ly hôn với ông Nguyễn Văn P.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Dĩ K, sinh ngày 03/11/2024 cho bà Q tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: bà Q tự nguyện rút lại phần yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên đình chỉ không xem xét, giải quyết.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản, đồng thời có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được chung sống với người trực tiếp nuôi con. Vì lợi ích của con, đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

3. Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Không tranh chấp và không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Như Q phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008552 ngày 07/5/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Bị đơn ông Nguyễn Văn P không phải chịu án phí.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 34, 36, 71, 72 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 13 – Vĩnh Long;
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long (Phòng Thi hành án dân sự khu vực 13 – Vĩnh Long);
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- UBND xã Hiệp Mỹ, tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hoàng Phúc